

MỤC LỤC

Trang

01-02

1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

03

2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

04-06

3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

07

4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

08-09

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08-09

Mục lục được lập và kiểm tra vào ngày 11 tháng 11 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUY BÀO TƯ
CHỦNG KHOAN THAI ĐƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Thái Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 46/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009 và theo Quyết định số 69/UBCK-GP sửa đổi QĐ 46/UBCK-GP ngày 27 tháng 04 năm 2010.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Hoạt động chính của Công ty:

Lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Tên công ty bằng tiếng Anh: THAI DUONG CAPITAL MANAGEMENT CORPORATION

Trụ sở chính: Phòng 701, Lầu 7, Harbour View Tower, 35 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Tạ Kim Hùng	Chủ tịch
Ông Cao Duy Đông	Phó Chủ tịch
Bà Huỳnh Thị Min	Thành viên

Kiểm soát viên

Ông Phạm Minh Hiếu	Kiểm soát viên
--------------------	----------------

Tổng Giám đốc

Ông Cao Duy Đông	Tổng Giám Đốc
------------------	---------------

Kế toán Trưởng

Bà Phan Huỳnh Yến	Kế toán Trưởng
-------------------	----------------

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Cao Duy Đông



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 01.11.084 /AISC-DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Thái Dương

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 30 tháng 01 năm 2011 của CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG từ trang 04 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Quyết định 62/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2005 quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Phan Thị Mỹ Huệ
Số chứng chỉ KTV: 0536/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KT, TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Diệu Thúy
Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		532.249.629.009	147.377.828.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.385.445.439	6.735.112.784
1. Tiền mặt	111		4.810.000.567	3.511.911.456
2. Tiền gửi Ngân hàng	112		675.444.872	3.223.201.328
3. Tiền đang chuyển	113		-	-
4. Tương đương tiền	114		5.900.000.000	-
II. Đầu tư ngắn hạn	120	V.2	174.334.778.530	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		174.334.778.530	-
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.3	316.353.761.598	110.805.742.431
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3.1	311.796.761.598	101.048.742.431
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		-	-
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu khác	134	V.3.2	4.557.000.000	9.757.000.000
6. Dự phòng phải thu khó đòi	135	V.3.3	-	-
IV. Tài sản lưu động khác	150	V.4	30.175.643.442	29.836.973.598
1. Vật liệu, công cụ, dụng cụ	151		49.010.152	-
2. Tài sản lưu động khác	152		30.126.633.290	29.836.973.598

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	TM	31/12/2010	01/01/2010
B.	TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		298.792.505.809	183.967.771.271
I.	Tài sản cố định	220		58.691.078	28.606.332
1.	Tài sản cố định hữu hình	211	V.5	58.691.078	28.606.332
	- Nguyên giá	212		77.989.095	36.105.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(19.298.017)	(7.498.668)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	214		-	-
	- Nguyên giá	215		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	216		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	217		-	-
	- Nguyên giá	218		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	219		-	-
II.	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	230	V.6	298.115.288.000	182.786.637.000
1.	Đầu tư chứng khoán	231		142.731.000.000	59.749.137.000
2.	Đầu tư dài hạn khác	232		155.384.288.000	123.037.500.000
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	233		-	-
III.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250		-	-
IV.	Tài sản dài hạn khác	260	V.7	618.526.731	1.152.527.939
1.	Chi phí trả trước	261	V.7.1	444.477.731	998.478.939
2.	Các khoản ký quỹ, ký cược	262	V.7.2	174.049.000	154.049.000
3.	Tài sản dài hạn khác	263		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		831.042.134.818	331.345.600.084

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	TM	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ		300		811.357.132.861	307.903.593.025
I. Nợ ngắn hạn		310	V.8	54.335.884	27.787.469
1. Vay ngắn hạn		311		-	-
2. Phải trả người bán		312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313		26.279.384	8.917.469
4. Phải trả công nhân viên		314		-	-
5. Chi phí phải trả		315		297.500	18.870.000
7. Phải trả, phải nộp khác		317		27.759.000	-
II. Nợ dài hạn		340		811.302.796.977	307.875.805.556
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		341		-	-
2. Phải trả người ủy thác đầu tư		342	V.9	811.302.796.977	307.875.805.556
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		19.685.001.957	23.442.007.059
I. Nguồn vốn		410	V.10	19.685.001.957	23.442.007.059
1. Nguồn vốn kinh doanh		411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ		412		-	-
3. Lợi nhuận tích lũy		413		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối		417		(5.314.998.043)	(1.557.992.941)
II. Quỹ		420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430		831.042.134.818	331.345.600.084

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	TM	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ	002	-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003	-	-
4. Ngoại tệ các loại	004	-	-
5. Chứng khoán theo mệnh giá	005	-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2011

Kế toán Trưởng

Phan Huỳnh Yên

Tổng Giám đốc



Cao Duy Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	VI.01	733.066.915	508.624.723
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần (01 - 02)	10	VI.03	733.066.915	508.624.723
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.04	4.405.715	5.511.111
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (12 = 10 - 11)	12		728.661.200	503.113.612
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	VI.05	430.596.581	121.790.866
7. Chi phí tài chính	14	VI.06	145.608.166	61.283.250
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	VI.07	4.770.654.716	2.121.614.169
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	16		(3.757.005.102)	(1.557.992.941)
10. Thu nhập khác	17		-	-
11. Chi phí khác	18		-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	19		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	20		(3.757.005.102)	(1.557.992.941)
14. Thuế TNDN phải nộp	21	VI.08	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	22		(3.757.005.102)	(1.557.992.941)
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23	VI.10	(1.503)	(623)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2011

Kế toán Trưởng



Phan Huỳnh Yến

Tổng Giám đốc



Cao Duy Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
Tiền thu từ phí quản lý	01	512.409.904	488.815.625
Tiền thu từ phí tư vấn	02	-	-
Tiền thu từ phí phát hành	03	-	-
Nhận và trả tiền ký cược, ký quỹ của khách hàng	04	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	113.548.640.896	30.647.292.609
Tiền trả cho người cung cấp	06	-	-
Trả lãi tiền vay	07	-	-
Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	08	-	-
Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09	(1.193.533.500)	(1.569.650.000)
Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10	(48.655.889)	(310.052.566)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11	(350.298.456.291)	(5.595.688.123)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	30	(237.479.594.880)	23.660.717.545
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	31	(41.884.095)	(36.105.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32	-	-
Tiền đầu tư chứng khoán	33	(476.307.079.022)	(176.557.426.600)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34	310.643.213.134	40.478.706.000
Tiền góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	35	(132.850.874.200)	(148.037.500.000)
Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	36	5.900.000.000	25.000.000.000
Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37	25.092.532.333	-
Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38	867.956.002.642	675.688.147.440
Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư	39	(358.261.983.257)	(458.461.426.601)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	40	242.129.927.535	(41.925.604.761)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	41	-	25.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	42	-	-
Tiền đi vay	43	-	-
Tiền trả nợ vay	44	-	-
Tiền trả nợ thuê tài chính	45	-	-
Tiền trả cổ tức cho cổ đông	46	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động tài chính	47	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	48	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50	-	25.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (30+40+50)	60	4.650.332.655	6.735.112.784
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	70	6.735.112.784	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	80	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (60+70+/-80)	90	11.385.445.439	6.735.112.784

Kế toán Trưởng



Phan Huỳnh Yên

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2011



Tổng Giám đốc


Cao Duy Đông